(Mẫu này bị sửa đổi bởi Điểm a, b, e Khoản 7 Điều 1 Thông tư 40/2025/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/07/2025)

(Mẫu dưới đây đã bao gồm nội dung sửa đổi)

Mẫu số: **01/GTGT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động sản xuất kinh doanh)

[01a] Tên hoạt động sản xuất kinh doanh: .....

[01b] Kỳ tính thuế: Tháng ... năm ... /Quý ... năm ...

[02] Lần đầu: □ **[03]** Bổ sung lần thứ: …

[04] Tên người nộp thuế:.....☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐.....☐☐☐.....
.....

[05] Mã số thuế:

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐.....☐☐☐.....
.....

[07] Mã số thuế:

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số.....
ngày.....

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính: …….

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:……

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[11a] Xã/ phường/đặc khu……

[11c] Tỉnh/Thành phố……...

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá	Thuế giá trị gia tăng

		trị gia tăng)			
A	**Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ** (đánh dấu "X")	**[21]**			
B	**Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang**			**[22]**	
C	**Kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách nhà nước**				
I	**Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ**				
1	Giá trị và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào	**[23]**		**[24]**	
	Trong đó: hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	**[23a]**		**[24a]**	
2	Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này			**[25]**	
II	**Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ**				
1	**Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng**	**[26]**			
2	**Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng ([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]; [28]=[31]+[33])**	**[27]**		**[28]**	
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	**[29]**			
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	**[30]**		**[31]**	
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	**[32]**		**[33]**	
d	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính thuế	**[32a]**			
3	**Tổng doanh thu và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ([34]=[26]+[27]; [35]=[28])**	**[34]**		**[35]**	
III	**Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ ([36]=[35]-[25])**			**[36]**	
IV	**Điều chỉnh tăng, giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ của các kỳ trước**				
1	Điều chỉnh giảm			**[37]**	
2	Điều chỉnh tăng			**[38]**	
V	**Thuế giá trị gia tăng nhận bàn giao được khấu trừ trong kỳ**			**[39a]**	
VI	**Xác định nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ:**				
1	**Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ {[40a]=([36]-[22]+[37]-[38]-[39a]) ≥ 0}**			**[40a]**	
2	**Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế ([40b]≤[40a])**			**[40b]**	
3	**Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trong kỳ ([40]=[40a]-[40b])**			**[40]**	
4	**Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này {[41]=([36]-[22]+[37]-[38]-[39a]) ≤ 0}**			**[41]**	
4.1	**Thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn ([42] ≤ [41])**			**[42]**	
4.2	**Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])**			**[43]**	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(*Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử*)

Ghi chú:

1. Chỉ tiêu [01a]: Người nộp thuế lựa chọn một trong các hoạt động sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

- Hoạt động xổ số kiến thiết, xổ số điện toán

- Hoạt động thăm dò khai thác dầu khí

- Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà để chuyển nhượng khác địa bàn tỉnh nơi đóng trụ sở chính

- Nhà máy sản xuất điện khác địa bàn tỉnh nơi đóng trụ sở chính.

2. Chỉ tiêu [09], [10], [11]: Khai thông tin của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng tại địa phương khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính đối với các trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều Xã/ phường/đặc khu do Cục Thuế quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện để kê khai vào chỉ tiêu này. Trường hợp có nhiều đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh đóng trên nhiều Xã/ phường/đặc khu do Chi cục Thuế khu vực quản lý thì chọn 1 đơn vị đại diện cho Xã/ phường/đặc khu do Chi cục Thuế khu vực quản lý để kê khai vào chỉ tiêu này.

3. Chỉ tiêu [32a]: Khai giá trị hàng hóa, dịch vụ thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng.

4. Chỉ tiêu [37] và [38]: Khai theo số thuế được khấu trừ điều chỉnh tăng/giảm tại chỉ tiêu II trên Tờ khai bổ sung. Riêng trường hợp cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế có điều chỉnh tương ứng các kỳ tính thuế trước thì khai vào hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế nhận được kết luận, quyết định xử lý về thuế (không phải khai bổ sung hồ sơ khai thuế).

5. Chỉ tiêu [39a]: Khai số thuế GTGT còn được khấu trừ chưa đề nghị hoàn của dự án đầu tư chuyển cho người nộp thuế tiếp tục khấu trừ (là số thuế GTGT còn được khấu trừ, không đủ điều kiện hoàn, không hoàn mà người nộp thuế đã kê khai riêng tờ khai thuế dự án đầu tư) khi dự án đầu tư đi vào hoạt động hoặc số thuế GTGT còn được khấu trừ chưa đề nghị hoàn của hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phụ thuộc khi chấm dứt hoạt động,...

6. Chỉ tiêu [40b]: Khai tổng số thuế đã khai tại chỉ tiêu [28a] và [28b] của các Tờ khai mẫu số 02/GTGT./.